

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12/4/2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thanh Thủy

Ông Bùi Vạn Huynh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu S, sinh năm 1994, nơi cư trú: Xóm F, thôn A, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2023, bản tự khai ngày 03/10/2023 và các tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị Thu S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q. Sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời

sống hôn nhân không thể tiếp tục và mục đích hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh Q được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 08/6/2016 và cháu Lê Trung K, sinh ngày 26/3/2020. Hiện nay cháu D đang sinh sống với chị, cháu K đang sinh sống với anh Q. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu D và giao cháu K cho anh Q nuôi dưỡng, chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn Q trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt nhưng anh Q không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự trong vụ án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 68, 203, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu S. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu S được ly hôn anh Lê Văn Q; về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 08/6/2016 cho chị S trực tiếp nuôi và giao cháu Lê Trung K, sinh ngày 26/3/2020 cho anh Q trực tiếp nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu S vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa, nhưng anh Q vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu S và anh Lê Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2013, quyền số 01/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Q là hợp pháp.

Chị Trần Thị Thu S trình bày quá trình chung sống giữa chị và anh Q xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hai bên đã được gia đình hàn gắn nhưng không thành. Anh Lê Văn Q nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Theo biên bản xác minh ngày 08/11/2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (bút lục 25) có nội dung: “*Mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không rõ nguyên nhân và không thông báo với chính quyền địa phương biết. Hiện nay, chị S và cháu Lê Ngọc Thùy D đang sinh sống cùng với cha mẹ tại xóm F, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi*” và theo biên bản xác minh ngày 30/01/2024 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q (bút lục 23) có nội dung: “*Anh Lê Văn Q, sinh năm 1986 và cháu Lê Trung K, sinh ngày 26/3/2020 hiện đang sống tại thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi*”. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S và cho chị S ly hôn với anh Q.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Thu S và anh Lê Văn Q có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 08/6/2016 và cháu Lê Trung K, sinh ngày 26/3/2020. Hiện nay cháu D đang sinh sống với chị S, cháu K đang sinh sống với anh Q. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu D và giao cháu K cho anh Q nuôi dưỡng, không yêu cầu ai cấp dưỡng nuôi con.

Theo biên bản xác minh ngày 08/11/2023 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và biên bản xác minh ngày 30/01/2024 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q như đề cập tại mục [2.1] là phù hợp với yêu cầu của chị S. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị S giao cháu Lê Ngọc Thùy D cho chị S trực tiếp nuôi và giao cháu Lê Trung K cho anh Q trực tiếp nuôi.

Chị S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Thu S trình bày không có.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp.

[4] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung là phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu S

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu S được ly hôn anh Lê Văn Q

- Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Thùy D, sinh ngày 08/6/2016 cho chị Trần Thị Thu S trực tiếp nuôi và giao cháu Lê Trung K, sinh ngày 26/3/2020 cho anh Lê Văn Q trực tiếp nuôi. Chị S không yêu cầu anh Lê Văn Q cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Thu S trình bày không có.

- Về án phí: Chị Trần Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006944 ngày 27/9/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã Nghĩa Dũng, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Như

